

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2019/KDTM-ST

Ngày: 17/7/2019

V/v tranh chấp hợp đồng vận
chuyển hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2018/TLST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2018, về “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2019/QĐST-KDTM ngày 21/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2019/QĐST-KDTM ngày 18/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Cảng Đ, địa chỉ trụ sở chính: đường S, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, địa chỉ: Đường A, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2018 và 24/5/2019). (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Một thành viên Vận tải H, địa chỉ trụ sở chính: Đường X, phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng C, chức vụ: Giám đốc, địa chỉ: đường D, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] - Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Cảng Đ và trình bày của người đại diện của nguyên đơn:

Ngày 14/02/2015, Công ty Cổ phần Cảng Đ (gọi tắt là Công ty Đ) và Công ty TNHH Một thành viên Vận tải H (gọi tắt là Công ty H) ký Hợp đồng vận chuyển hàng hóa

số /DXP-HN/2015, với nội dung Công ty Đ nhận vận chuyển hàng hóa đóng trong container bằng đường biển và đường bộ theo các tuyến vận tải nội địa của Công ty H.

Công ty Đ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo các cam kết trong hợp đồng đã ký. Theo điều 4 của hợp đồng đã ký, Công ty H đã thanh toán được 7.200.000 đồng, còn nợ 188.222.000 đồng. Tại biên bản xác nhận công nợ ngày 20/9/2015, Công ty H xác nhận còn nợ Cảng Đoạn Xá số tiền 188.222.000 đồng và cam kết sẽ thanh toán đầy đủ, chậm nhất ngày 30/4/2016 nhưng đến nay không thực hiện.

Vì vậy, Công ty Đ khởi kiện yêu cầu

1. Buộc Công ty H thanh toán tiền cước vận chuyển nội địa Hải Phòng – Thanh phố Hồ Chí Minh và ngược lại (hàng hóa được đóng trong container) theo Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số /DXP-HN/2015 ngày 14/2/2015 số tiền nợ gốc là 188.222.000 đồng

2. Buộc Công ty H thanh toán tiền lãi chậm trả và phạt vi phạm hợp đồng theo hợp đồng đã ký tạm tính đến ngày 30/6/2018 là

+ Tiền lãi chậm trả do thanh toán chậm theo khoản 3 Điều 4 Hợp đồng 38.558.409 đồng

+ Tiền lãi chậm trả do thanh toán chậm theo khoản 4 Điều 4 Hợp đồng 434.160.189 đồng

+ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng theo Điều 10 Hợp đồng: 15.057.760 đồng.

Tổng cộng 675.998.358 đồng.

- Bị đơn Công ty H được triệu tập nhưng vắng mặt.

[2] Tại phiên tòa,

- Người đại diện của nguyên đơn Công ty Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty H thanh toán cho Công ty Đ tiền cước vận chuyển 188.222.000 đồng và tiền lãi chậm trả do thanh toán chậm tính từ ngày 01/5/2016 đến ngày xét xử 17/7/2019 theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 98.602.709 đồng và tiền phạt 8% của số tiền nghĩa vụ bị vi phạm 188.222.000 đồng là 15.057.760 đồng.

- Bị đơn Công ty H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn Công ty Đ và bị đơn Công ty H là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại, đối với hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn

Công ty H có trụ sở chính tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 28/11/2017, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn Công ty H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa về nghĩa vụ trả tiền.

Xét hợp đồng có tranh chấp là Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số /DXP-HN/2015 ngày 14/02/2015, được ký kết giữa Công ty Đ và Công ty H. Hợp đồng được ký kết giữa hai pháp nhân, hình thức hợp đồng bằng văn bản, nội dung chính là Công ty Đ vận chuyển hàng hóa được đóng trong container bằng tàu biển và những phương tiện khác cho Công ty H. Trong hợp đồng còn quy định về nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên, cước và phụ phí, phương thức và thời hạn thanh toán, nguyên tắc giải quyết tranh chấp, điều khoản chung và các nội dung khác của hợp đồng vận chuyển. Hợp đồng cung ứng dịch vụ vận chuyển hàng hóa tại Điều 3, Điều 233 Luật Thương mại, được ký kết có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nên có hiệu lực thi hành. Thực hiện hợp đồng, Công ty Đ tiến hành vận chuyển hàng hóa cho Công ty H, chứng cứ về việc cung ứng dịch vụ là bộ hồ sơ vận chuyển, phiếu đề nghị thanh toán kèm theo 07 Hóa đơn giá trị gia tăng từ ngày 31/3/2015 đến 30/6/2015 xuất cho khách hàng Công ty H với tổng số tiền dịch vụ là 195.422.000 đồng, phía Công ty H đã thanh toán 7.200.000 đồng, còn lại 188.222.000 đồng chưa thanh toán đã được Công ty H xác nhận là đúng tại Xác nhận số dư công nợ ngày 14/7/2015 và Biên bản xác nhận công nợ ngày 30/9/2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty Đ yêu cầu buộc Công ty H thanh toán cho Công ty Đ tiền cước hàng hóa 188.222.000 đồng. Phía nguyên đơn Công ty Đ xác định bị đơn Công ty H chưa tiếp tục thanh toán bất kỳ khoản nào trong số tiền công nợ đã xác nhận. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không có mặt nên không có chứng cứ về việc bị đơn có trả tiền. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty H thanh toán tiền cước vận chuyển hàng 188.222.000 đồng là có căn cứ theo Hợp đồng đã ký kết và Điều 235, 236 Luật thương mại, nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi do chậm thanh toán và tiền phạt. Căn cứ khoản 3 Điều 4 của hợp đồng về phương thức và thời hạn thanh toán: *“Đối với hóa đơn cước vận chuyển bằng đường biển, Bên thuê vận chuyển có trách nhiệm thanh toán tiền cho Bên vận chuyển theo hóa đơn từng Lô hàng trước khi lấy hàng tại cảng. Trong trường hợp Bên còn nợ tiền cước, ... không thanh toán cho bên kia đúng thời hạn nêu tại khoản 2 Điều này, ... Bên nợ phải trả cho bên kia lãi suất chậm trả của số tiền chậm thanh toán theo lãi suất tại thời điểm của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố. Nhưng thời gian thanh toán chậm không vượt quá 15 ngày. Trong trường hợp Bên B không thanh toán đầy đủ ... đúng thời hạn nêu tại khoản 3 Điều này, Bên A có quyền cầm giữ hàng hóa và áp dụng các biện pháp khác để đảm bảo cho việc thanh toán cũng như đối trừ các khoản nợ khác (nếu có) theo qui định pháp luật hiện hành và Bên B phải trả thêm lãi suất chậm trả 0,2%/ngày trên giá trị cước vận chuyển chậm thanh toán, nhưng tối đa không vượt quá 10 ngày thanh toán chậm”*. Tuy nhiên, ngày 30/9/2015, hai bên ký vào Biên bản xác nhận công nợ ghi nhận tính đến ngày 30/9/2015, Công ty H còn nợ Công ty Đ số tiền 188.222.000 đồng, thống nhất với số nợ trên, Công ty H sẽ thanh toán cho Công ty Đ chậm nhất vào ngày 30/4/2016. Như vậy, nguyên đơn Công ty Đ đã đồng ý cho Công ty H gia hạn lại thời gian

trả nợ, cũng như Công ty H đã xác nhận lại nghĩa vụ trả nợ của mình. Hết ngày 30/4/2016, Công ty H không trả nợ nên phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định của pháp luật theo Điều 306 Luật thương mại: *“bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả”*.

Lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay theo thông báo của ba ngân hàng thương mại trên địa bàn là 16,3%/năm. Vì vậy, bị đơn phải chịu tiền chậm trả:

$188.222.000 \text{ đồng} \times 16,3\%/năm \times 03 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 98.602.709 \text{ đồng}.$

Tại Điều 10 của hợp đồng quy định: *“Bên vi phạm hợp đồng phải chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho bên bị vi phạm, đồng thời phải thanh toán ngay cho bên bị vi phạm khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm ...”*. Thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 300, 301 Luật thương mại nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Tiền phạt của 8% của số tiền nghĩa vụ bị vi phạm 188.222.000 đồng là 15.057.760 đồng.

Tổng cộng tiền lãi và phạt: 113.660.469 đồng.

Như vậy, toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Đ được chấp nhận bao gồm yêu cầu buộc Công ty H trả cho Công ty Đ tiền cược vận chuyển 188.222.000 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán 98.602.709 đồng, tiền phạt vi phạm 15.057.760 đồng, tổng cộng 301.882.469 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, yêu cầu của nguyên đơn Công ty Đ được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn Công ty H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận 301.882.469 đồng là 15.094.123 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 3, 233, 236, 300, 301, 306 Luật Thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Cảng Đ. Buộc Công ty TNHH Một thành viên Vận tải H trả cho Công ty Cổ phần Cảng Đ số tiền cược vận chuyển 188.222.000 (Một trăm tám mươi tám triệu, hai trăm hai mươi hai ngàn) đồng, tiền lãi do chậm thanh toán 98.602.709 (Chín mươi tám triệu, sáu trăm lẻ hai ngàn, bảy trăm lẻ chín) đồng, tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ 15.057.760 (Mười lăm triệu, không trăm năm mươi bảy ngàn, bảy trăm sáu mươi) đồng, tổng cộng 301.882.469 (Ba trăm lẻ một triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn, bốn trăm sáu mươi chín) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công ty Cổ phần Cảng Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đồng. Trả cho Công ty Cổ phần Cảng Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.519.967 (Mười lăm triệu, năm trăm mười chín ngàn, chín trăm sáu mươi bảy) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022315 ngày 31/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Vận tải H chịu 15.094.123 (Mười lăm triệu, không trăm chín mươi bốn ngàn, một trăm hai mươi ba) đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đường sự của vụ án;
- VKSND Q.TĐ;
- Chi cục Thi hành án Q.TĐ;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Trung Tuấn